

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2021.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Dao;

2. Bà Thảo Thị Chu;

- Thư ký phiên tòa: ông Lý A Đà, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/ 2021/ TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/ 2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QDST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Vàng Thị M, sinh năm 1986

Trú tại: bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* anh Giàng A L, sinh năm 1986

Nơi ĐKNKTT: bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các biên bản ghi lời khai tại Tòa án nhân dân huyện M, nguyên đơn chị Vàng Thị M trình bày: chị và anh Giàng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh L không chung thủy đã bỏ đi với người phụ nữ khác từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Giàng Thị P và Giàng Thị P, hiện nay các cháu đã đi xây dựng gia đình và chuyển hộ khẩu về nhà chồng không còn phụ thuộc vào anh chị nữa, chị không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung :chị Vàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần, để viết bản tự khai, trình bày ý kiến và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ với yêu cầu của chị M. Tuy nhiên anh đều vắng mặt và không có yêu cầu gì.Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tại nơi cư trú cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản này theo quy định của tố tụng dân sự, nhưng anh L cố tình không đến tòa án để giải quyết, mặc dù anh vẫn có hộ khẩu tại nơi cư trú là bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Tại phiên tòa: Ý kiến của Kiểm sát viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Chị M, anh L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào các Điều 172, 173,174, 177, Khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ, Tòa án đã triệu tập anh L đến lần thứ hai mà anh Vẫn vắng mặt không có lý do và không có chứng cứ cho rằng sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L là bị đơn không có yêu cầu phản tố. Chị M cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Anh Giàng A L có hộ khẩu tại bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái, nên việc tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành báo gọi nhiều lần nhưng anh L đều không đến tòa án,mặc dù

đã được tổng đạt hợp lệ nên tòa án không tiến hành các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ được.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh L không chung thủy đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét tình cảm của anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đề nghị chị Vàng Thị M. Xét quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Vàng Thị M và anh Giàng A L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Do con chung của anh chị đều đã đi xây dựng gia đình và chuyển hộ khẩu đến địa phương khác sinh sống, (Tòa án đã tiến hành xác minh ngày 10/5/2021 tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái) nên yêu cầu của chị được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: chị Vàng Thị M không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị Vàng Thị M được miễn tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, do đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các Điều 28,35,39,227,228,238, 271,273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Vàng Thị M và anh Giàng A L là vợ chồng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Vàng Thị M.

3. Chị Vàng Thị M và anh Giàng A L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Mạnh Hùng